TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2023
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi Con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Công Quyền

Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Xuân Tú, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị La Thị N, sinh ngày 21/3/1991, vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở hiện nay: Số B, K, khu Đ, thành phố T, Đài Loan.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm: 1989, vắng mặt.

Trú tại: 0 Bà T, phường Đ, TP T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2023, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị La Thị N trình bày*:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 3/2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Vợ chồng chị cũng đã nói chuyện với nhau mong hóa giải mâu thuẫn nhưng không thành. Tháng 2/2019, chị đi xuất khẩu lao động

tại Đài Loan, từ đó đến nay chị chưa về Việt Nam lần nào, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Do khoảng cách địa lý dẫn đến vợ chồng ít nói chuyện với nhau, những bất đồng, mâu thuẫn trước đó không thể giải quyết được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn C.

2. Về con: Anh, chị có 01 con chung là cháu Lê Uyên N1, sinh ngày 21/10/2013. Ly hôn chị và anh C thỏa thuận giao cháu N1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Văn C trình bày:*

1. Về hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng mâu thuẫn cũng như thời gian chị N đi Đài Loan như chị N trình bày trên là đúng. Nay chị N có đơn xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn chị La Thị N.

2. Về con: Anh chị có 01 con chung là cháu Lê Uyên N1, sinh ngày 21/10/2013. Ly hôn anh chị thỏa thuận giao cháu N1 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Chi Nhung cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

3. Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị La Thị N, xử cho chị N được ly hôn anh C. Về con: giao cháu N1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền của Tòa án:

Chị La Thị N là nguyên đơn đang sinh sống tại Đài Loan. Bị đơn là anh Lê Văn C trú tại thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Do trong vụ án có nguyên đơn cư trú ở nước ngoài. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là Chị La Thị N và bị đơn là anh Lê Văn C có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị La Thị N và anh Lê Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị La Thị N và anh Lê Văn C đều thừa nhận anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay, tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận xử cho chị N được ly hôn anh C.

[2.2]. Về con: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị giao cháu Lê Uyên N1, sinh ngày 21/10/2013 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi. Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về tài sản, công nợ chung: Chị N và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Chị La Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Chị La Thị N.

- Về hôn nhân: Cho chị La Thị N được ly hôn anh Lê Văn C.

- Về con: Công nhận cháu Lê Uyên N1, sinh ngày 21/10/2013 là con chung của chị La Thị N và anh Lê Văn C. Giao cháu N1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

Chị La Thị N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị La Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ; nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm

ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu số 0000388 ngày 20/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị N còn phải nộp 300.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo:

Chị La Thị N và anh Lê Văn C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Phì Điền, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Tổ HC-TP; - Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa GĐ & NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy